

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/DS-PT

Ngày: 02-10-2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng chuyển
quyền sử dụng đất và quyền nhận tiền
hỗ trợ, bồi thường đất bị thu hồi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lại Văn Tùng

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Mai Hương

Bà Vũ Thị Thu

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Kim Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Ông Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2019/TLPT-DS ngày 22 tháng 8 năm 2019 về Tranh chấp hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất và quyền nhận tiền hỗ trợ, bồi thường đất bị thu hồi.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 121/2019/QĐXXPT-DS ngày 23 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Vợ chồng ông Dương Văn Q, sinh năm: 1958 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: Đường L, thị trấn C, huyện T, tỉnh N.

- *Bị đơn:* Vợ chồng anh Nguyễn Gia S, sinh năm 1978 và chị Đỗ Thị H, sinh năm: 1982.

Cùng địa chỉ: Tiểu khu S, thị trấn C, huyện T, tỉnh N.

Đại diện theo ủy quyền của anh S là chị Đỗ Thị H (theo văn bản ủy quyền ngày 23-9-2019).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh D, sinh năm 1990; Địa chỉ: Đường L, thị trấn C, huyện T, tỉnh N.

Đại diện theo ủy quyền của ông Dương Văn Q, Anh D là bà Nguyễn Thị H (theo văn bản ủy quyền ngày 20-9-2019 và ngày 28-9-2019).

- *Người kháng cáo:* Chị Đỗ Thị H là bị đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Có mặt bà H, chị H. Vắng mặt ông Q, anh S, anh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày: Năm 1992 gia đình bà H được Nhà nước cấp 567m² đất nông nghiệp thuộc dải đất T, thị trấn C theo quyết định 115 của UBND tỉnh N, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1994. Đến năm 2001 gia đình bà H có cho ông Nguyễn Gia T (là bố đẻ của anh Nguyễn Gia S hiện đã chết) thuê với số tiền 750.000đồng /1 sào, hai bên có thỏa thuận thời hạn cho thuê đến hết năm 2013. Sau năm 2013 gia đình bà H có đòi lại ruộng nhưng anh S là người được ông T cho sử dụng không trả. Đến năm 2018 UBND huyện T thu hồi đất mở khu đô thị, thị trấn C, thì hai bên tranh chấp về quyền nhận tiền hỗ trợ, bồi thường liên quan đến diện tích 567m² đất nông nghiệp bị thu hồi, UBND thị trấn C đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng đều không thành. Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện gia đình bà H là chủ sử dụng hợp pháp 567m² đất nên bà H yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Gia S trả lại quyền sử dụng diện tích đất trên cho gia đình bà H và bà H đề nghị được quyền nhận tiền hỗ trợ, bồi thường liên quan đến diện tích 567m² đất trên theo phương án đền bù, hỗ trợ của UBND huyện T.

* Tại bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn chị Đỗ Thị H trình bày: Ngày 09-02-2001 bố chồng chị H là ông Nguyễn Gia T có nhận chuyển quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Dương Văn Q và bà Nguyễn Thị H 567m² đất nông nghiệp, việc chuyển quyền này có sự làm chứng của đội trưởng đội sản xuất, sau khi chuyển quyền diện tích đất nói trên gia đình chị H đã nhập cùng diện tích của gia đình để canh tác sử dụng và nộp thuế đầy đủ cho Nhà nước, gia đình chị H sử dụng thửa đất này hơn 15 năm, công việc, thu nhập ổn định, nay Nhà nước thu hồi gia đình chị H mất công ăn việc làm, Gia đình chị H mới được hội đồng GPMB huyện T bồi thường tài sản trên đất, cây trồng vật nuôi và công tôn tạo, cải tạo đất. Chị H đồng ý trả giá trị đền bù về đất đã bị thu hồi, còn các khoản đền bù hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm và đời sống, gia đình chị H được hưởng nên chị H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Dương Văn Q và bà Nguyễn Thị H.

* Ngày 15-3-2019 Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh đã làm việc với UBND thị trấn C, đại diện chính quyền địa phương có ý kiến: việc mua bán chuyển đổi đất nông nghiệp giữa các hộ dân đang có tranh chấp chỉ thông qua đội sản xuất chứng thực về diện tích đất trong hợp đồng. Diện tích đất của các hộ dân

đang tranh chấp nằm trong dự án khu đô thị thị trấn C, UBND huyện T là chủ đầu tư dự án thực hiện việc thu hồi đất và thực hiện bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng. Hiện hộ anh Nguyễn Gia S đã được nhận tiền đền bù tài sản trên đất, cây cối hoa màu, đối với tiền đền bù đất cho chủ đất hiện đang có tranh chấp giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng nên Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện T đang tạm giữ tại Kho bạc huyện T.

UBND huyện T ra Công văn số 192/ UBND-TNMT ngày 15-5-2019 và Công văn số 225/UBND-TNMT Ngày 04 tháng 6 năm 2019 trả lời công văn số 01/2019/CV-TA ngày 26-03-2019 của Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh có nội dung: UBND huyện T đã ban hành quyết định thu hồi và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng 03 đợt với tổng diện tích thu hồi 94.032,3m² của 100 hộ gia đình, cá nhân và 01 tổ chức tại 126 phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB. Về lập phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ đang có tranh chấp như sau:

Đối với hộ ông Dương Văn Q đang sử dụng diện tích 567 m², thửa 75/5, tờ bản đồ số 2; có nguồn gốc là đất giao ổn định. Năm 2001 các hộ tự ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Gia T (bố ông Nguyễn Gia S) bằng giấy viết tay, thời hạn chuyển nhượng đến năm 2013. Tại thời điểm thu hồi đất giải phóng mặt bằng và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án; bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng chưa thống nhất được quyền sử dụng; do đó, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng quy chủ cho người được giao đất ổn định, chưa chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng về đất. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất đối với hộ ông Q 123.300.000 đồng. Đối với hộ ông Nguyễn Gia S: Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giải phóng mặt bằng huyện đã chi trả cho ông Nguyễn Gia S số tiền là 2 đợt, gồm các khoản: Khối lượng đất vượt lập; tài sản, vật kiến trúc; cây trồng vật nuôi trên đất; Tổng số tiền là 140.354.000 đồng.

Do các hộ nêu trên có tranh chấp về quyền sử dụng đất, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng chưa chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ về đất cho các hộ theo phương án được phê duyệt. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh căn cứ vào các quy định của pháp luật; xem xét, giải quyết; khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, UBND huyện sẽ chỉ đạo Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giải phóng mặt bằng huyện chi trả số tiền bồi thường theo phương án được phê duyệt cho các hộ.

Từ nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh đã quyết định:

Căn cứ các Điều 164, 169 Bộ luật dân sự 2005; Điều 74, 75 Luật đất đai 2013.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về quyền được nhận tiền bồi thường hỗ trợ về đất đã bị thu hồi của ông Dương Văn Q và bà Nguyễn Thị H.

2. Ông Dương Văn Q và bà Nguyễn Thị H có quyền đến UBND huyện T làm thủ tục nhận tiền bồi thường hỗ trợ về đất đã bị thu hồi. Theo danh sách bồi thường, hộ ông Q được nhận số tiền 123.300.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Gia S và chị Đỗ Thị H về đòi nhận các khoản tiền bồi thường hỗ trợ về đất và các khoản hỗ trợ khác như chuyển đổi nghề nghiệp và việc làm, đối với diện tích 567m² đất đã bị thu hồi.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17-7-2019 chị Đỗ Thị H là bị đơn trong vụ án có đơn kháng cáo với nội dung: Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của chị H về việc đòi nhận các khoản tiền bồi thường, hỗ trợ về đất đã bị thu hồi và các khoản hỗ trợ khác như chuyển đổi nghề nghiệp và việc làm đối với đất đã bị thu hồi. Đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại bản án trên, giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật và bảo vệ quyền lợi cho gia đình chị H.

Tại phiên toà phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị quyền được nhận tiền hỗ trợ, bồi thường diện tích đất nông nghiệp của bà H là 567m² và không chấp nhận lý do kháng cáo của chị H, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

Chị Đỗ Thị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại cấp sơ thẩm, chị H giữ nguyên như đơn kháng cáo. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định của BLTTDS năm 2015. Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 BLTTDS chấp nhận một phần kháng cáo của chị Đỗ Thị H đề nghị sửa bản án sơ thẩm về phần án phí do Tòa án cấp sơ thẩm xác định án phí có giá ngạch là không đúng đây là vụ án tranh chấp ai là người được quyền nhận tiền hỗ trợ, bồi thường về đất nông nghiệp khi bị thu hồi chứ không phải tranh chấp về số tiền được nhận. Do đó phải tính án phí không có giá ngạch mới chính xác. ông Nguyễn Gia T (là bố đẻ của anh Nguyễn Gia S) nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của vợ chồng ông Q, bà H đến năm 2013 thì hết hạn thì phải trả lại đất cho ông Q, bà H. Năm 2018 UBND huyện T thu hồi đất và đền bù hỗ trợ để giải phóng mặt bằng phục vụ xây dựng khu đô thị, thị trấn C, thì khoản tiền bồi thường, hỗ trợ về đất đã bị thu hồi thuộc về vợ chồng ông Q, bà H được nhận. Do đó có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Q, bà H. Tòa án cấp sơ thẩm còn có thiếu sót không đưa UBND huyện T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Về án phí phúc thẩm đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Dương Văn Q, anh Nguyễn Gia S, Anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, ông Q, anh N đã ủy quyền cho bà H, anh S đã ủy quyền cho chị H. Vì vậy, căn cứ Khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Q, anh N, anh S. Tòa án cấp sơ thẩm còn có thiếu sót sau cần rút kinh nghiệm như không đưa anh N vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mới triệt để đúng theo quy định của pháp luật nhưng trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, anh N đã có giấy ủy quyền cho bà H tham gia tố tụng. Quyết định của bản án sơ thẩm không ảnh hưởng gì đến quyền lợi của anh N nên vi phạm nêu trên là không nghiêm trọng, tuy cấp sơ thẩm có thiếu sót nhưng quyền lợi của anh N vẫn được đảm bảo, không bị xâm hại vẫn có thể khắc phục sửa chữa, bổ sung tại cấp phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật: Vợ chồng ông Dương Văn Q, bà Nguyễn Thị H khởi kiện đề nghị quyền được nhận khoản tiền hỗ trợ, bồi thường đất nông nghiệp khi bị thu hồi. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là vụ án Tranh chấp quyền sử dụng đất và quyền nhận tiền hỗ trợ bồi thường đất bị thu hồi là chưa chính xác. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần phải xác định lại quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất và quyền nhận tiền hỗ trợ, bồi thường đất bị thu hồi mới giải quyết chính xác nội dung của vụ án.

[3] Xét kháng cáo của chị Đỗ Thị H cho rằng Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của chị H về việc đòi nhận các khoản tiền bồi thường, hỗ trợ về đất đã bị thu hồi và các khoản hỗ trợ khác như chuyển đổi nghề nghiệp và việc làm đối với đất đã bị thu hồi thì thấy: Về nguồn gốc diện tích 567m² đất nông nghiệp mà gia đình bà H chuyển nhượng cho gia đình ông Nguyễn Gia T (bố anh S), ông T đã cho vợ chồng anh S, chị H quản lý, sử dụng diện tích đất này, thời hạn sử dụng đến hết năm 2013 là đất được nhà nước cấp giao ổn định, lâu dài, cho hộ gia đình theo Quyết định 115/QĐ-UB ngày 15-02-1992 của UBND tỉnh H (nay là tỉnh N), đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1994. Tại Điều 131 Luật đất đai năm 2013 quy định Nhà nước đã gia hạn thời hạn sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất thì được tiếp tục sử dụng đất nên trong trường hợp này gia đình bà H được tiếp tục quản lý, sử dụng đất nông nghiệp đã được Nhà nước giao năm 1992. Năm 2001 gia đình bà H có chuyển quyền sử dụng đất cho gia đình ông Nguyễn Gia T hai bên có thỏa thuận sử dụng đến hết năm 2013, về nguyên tắc khi hết hạn chuyển nhượng đất ghi trong hợp đồng thì gia đình chị H phải trả lại đất cho gia đình bà H. Sau khi nhận chuyển nhượng gia đình chị H cải tạo sử dụng đất làm kinh tế và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đất theo quy định, đến năm 2015 UBND huyện T quy hoạch khu đô thị, thị trấn C và đến năm 2018 thu hồi đất giải phóng mặt bằng và thực hiện đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, đối với hộ anh Nguyễn Gia S đã được Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện T bồi thường đất vượt lập, tài sản, vật kiến trúc; cây trồng vật nuôi trên đất với tổng số tiền là

140.354.000đồng. Riêng khoản tiền bồi thường, hỗ trợ về đất cho người được giao đất ổn định đối với hộ ông Dương Văn Q, Hội đồng GPMB lập danh sách hỗ trợ bồi thường với diện tích đất hợp pháp là 567m², số tiền là 123.300.000 đồng cho hộ ông Q, do đất đang có tranh chấp với hộ anh Nguyễn Gia S nên Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện T chưa trả cho hộ ông Q, để chờ các bên tự giải quyết hoặc có kết quả giải quyết của Tòa án nhân dân.

[4] Xét hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất ruộng nông nghiệp có thời hạn, trong giấy chuyển quyền sử dụng đất ruộng ngày 10-8-2001 có chữ ký của ông Q và ông T có sự chứng kiến của đội trưởng đội sản xuất. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đây là hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất có thời hạn, nhưng do các bên chưa làm đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất. Nội dung của hợp đồng thể hiện ông Nguyễn Gia T (bố anh S) chỉ có quyền khai thác sử dụng đất đến hết năm 2013 và từ ngày 01-01-2014 các bên không có thỏa thuận nào khác, thì hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất đương nhiên chấm dứt hết hiệu lực. Bên nhận chuyển quyền đất phải trả lại mặt bằng đất cho chủ đất và quyền sử dụng đất cũng đương nhiên thuộc quyền của chủ hộ được nhà nước cấp tiêu chuẩn ổn định, lâu dài Quyết định 115/QĐ-UB ngày 15-02-1992 của UBND tỉnh H (nay là tỉnh N). Do vậy năm 2018 UBND huyện T thu hồi đất của các hộ dân để phục vụ dự án phát triển khu đô thị, thị trấn C, Hội đồng giải phóng mặt bằng đã thực hiện chi trả bồi thường đất vượt lập, tài sản, vật kiến trúc; cây trồng vật nuôi trên đất cho người đang khai thác sử dụng là anh Nguyễn Gia S là đúng các quy định tại điều 66, 67, 68, 69 Luật đất đai năm 2013.

[5] Đối với phần bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi như giá trị đất và các hỗ trợ khác như chuyển đổi nghề nghiệp và việc làm, theo qui định của Điều 74, 75 Luật đất đai 2013 thì người được bồi thường hỗ trợ là hộ gia đình có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật là được giao ổn định, lâu dài và có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc là chủ sử dụng hợp pháp. Do vậy Hội đồng giải phóng mặt bằng đã lập phương án hỗ trợ, bồi thường cho hộ ông Q với diện tích hợp pháp là 567m² số tiền là 123.300.000 đồng. Như vậy hộ ông Q đủ điều kiện được nhận các khoản bồi thường về đất và các khoản hỗ trợ khác như chuyển đổi nghề nghiệp và việc làm do Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện T đã lập phương án chi trả như Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định là phù hợp. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Dương Văn Q, bà Nguyễn Thị H là có căn cứ và hợp pháp. Vợ chồng ông Q, bà H có quyền đến UBND huyện T làm thủ tục nhận tiền bồi thường, hỗ trợ về đất đã bị thu hồi. Theo danh sách bồi thường, diện tích hợp pháp của hộ ông H là 567m² số tiền là 123.300.000 đồng. Không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị H về đòi nhận các khoản tiền bồi thường hỗ trợ về đất và các khoản hỗ trợ khác như chuyển đổi nghề nghiệp và việc làm đối với diện tích đất 567m² đã bị thu hồi.

[6] Qua những phân tích nêu trên đã cho thấy những kết luận trong bản án sơ thẩm là hoàn toàn phù hợp với những quy định của pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông Q, bà H được pháp luật bảo vệ khi bị xâm hại. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm chị H cũng không đưa ra được các chứng cứ và lý lẽ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp. Vì vậy yêu cầu kháng cáo của chị H không được chấp nhận cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm đã Quyết định anh S, chị H phải nộp 6.165.000 đồng là chưa phù hợp. Bởi vì, vợ chồng ông Q, bà H khởi kiện quyền được nhận tiền hỗ trợ, bồi thường về diện tích đất đã bị thu hồi mà không có tranh chấp về số tiền được nhận nên án phí dân sự bị đơn chỉ phải nộp là án phí không có giá ngạch nên có căn cứ để sửa phần án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp. Số tiền bà H nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm sẽ được hoàn trả lại.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của chị H được chấp nhận một phần nên chị H không phải nộp. Số tiền 300.000đ chị H nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, được đối trừ vào số tiền anh S, chị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Anh S, chị H đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 164, 169 Bộ luật dân sự 2005; Điều 74, 75, 131 Luật đất đai 2013; Điều 147; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án

Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Đỗ Thị H. Sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về quyền được nhận tiền bồi thường hỗ trợ về đất đã bị thu hồi của vợ chồng ông Dương Văn Q và bà Nguyễn Thị H.

2. Vợ chồng ông Dương Văn Q và bà Nguyễn Thị H có quyền đến UBND huyện T làm thủ tục nhận tiền bồi thường hỗ trợ về đất đã bị thu hồi. Theo danh sách bồi thường, hộ ông Q được nhận số tiền 123.300.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu của vợ chồng anh Nguyễn Gia S và chị Đỗ Thị H về đòi nhận các khoản tiền bồi thường hỗ trợ về đất và các khoản hỗ trợ khác như chuyển đổi nghề nghiệp và việc làm, đối với diện tích 567m² đất đã bị thu hồi.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng anh Nguyễn Gia S và chị Đỗ Thị H phải nộp là 300.000đồng.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 1.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số BB/2012/04910 ngày 22-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trục Ninh.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Đỗ Thị H không phải nộp. Số tiền 300.000đ chị H đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số BB/2012/05068 ngày 18-7-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trục Ninh sẽ được đối trừ vào số tiền anh S, chị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Anh S, chị H đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- TAND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lại Văn Tùng

